

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **758/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/7/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Quang Lý;
2. Bà Trần Quang Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 405/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 54 đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quang M, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 54 đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Huyền trình bày:

Bà và ông Lê Quang M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 05 ngày 23/9/1992 của Ủy ban nhân phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2006, thì bà phát hiện ông M đã chung sống với người phụ nữ khác và có 02 con riêng. Từ đó đến

nay, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông M đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông M không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà H xác nhận có 02 con chung tên Lê Thụy Linh Đ, sinh ngày 30/3/1995 và Lê Minh Tuấn K, sinh ngày 16/5/2002. Các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có.

- Bị đơn ông Lê Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng và không có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày của bà H cùng tài liệu chứng có trong hồ sơ, nhận thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông M là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông M không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông M.

Về quan hệ con chung: 02 con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huyền xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 05 ngày 23/9/1992 của Ủy ban nhân phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Quang M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Lê Quang M cư trú tại quận Tân Phú. Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ngày 19/5/2022, bà Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo qui định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lê Quang M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông M vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Lê Quang M.

Theo lời trình bày của bà H, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà phát hiện ông M đã chung sống với người phụ nữ khác và có 02 con riêng, bà và ông M sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông M không chung sống với nhau đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà H xác nhận có 02 con chung tên Lê Thụy Linh Đ, sinh ngày 30/3/1995 và Lê Minh Tuấn K, sinh ngày 16/5/2002, đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Quang M. Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Quang M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 05 ngày 23/9/1992 do Ủy ban nhân phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà H và ông M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: 02 con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị Thu H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0035174 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Quang M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường Đ, Tp.P;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND P. Bình Trị Đông, Q.Bình Tân;
- Lưu VP, hồ sơ (Dương)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm

